TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quách Thanh Tồn**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Lâm Tài**

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Thư ký phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh U**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Cẩm G**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh U và chị G vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 (nộp cho Tòa án ngày 17/11/2017) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh U trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Cẩm G cưới nhau ngày 21/4/2017 âm lịch, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Do chị G mâu thuẫn với chị

dâu của anh nên chị G bỏ về cha mẹ ruột của chị G ở, anh có qua khuyên và rước chị G về nhưng chị G không đồng ý. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm G.

Về con chung: Anh và chị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị G có tài sản chung gồm: 05 chỉ vàng 24K (01 dây chuyền trọng lượng 03 chỉ và 01 tấm lắc trọng lượng 02 chỉ) và 05 chỉ vàng 18K (01 bộ vòng 06 chiếc, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn). Tuy nhiên anh rU lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa anh và chị G. Anh và chị G không nợ chung ai và cũng không ai nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh U yêu cầu chia tài sản chung với chị G.

Quá trình làm việc tại Tòa án chị Lê Thị Cẩm G trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh U về thời gian cưới nhau, ly thân, hôn nhân tự nguyện và thống nhất chị và anh U không có đăng ký kết hôn. Nay anh U yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh U là chị và anh U không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh U. Chị và anh U có tài sản chung gồm: 05 chỉ vàng 24K (01 dây chuyền 03 trọng lượng 03 chỉ và 01 tấm lắc trọng lượng 02 chỉ) và 05 chỉ vàng 18K (01 bộ vòng 06 chiếc, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn). Anh U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì chị đồng ý và không có ý kiến gì. Chị thống nhất với lời trình bày của anh U là chị và anh U không nợ chung ai và cũng không ai nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự gồm nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Anh U và chị G cùng thống nhất anh, chị sống chung không đăng ký kết hôn. Anh U yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đinh năm 2014 không công nhận anh U và chị G là vợ chồng. Về con chung và nợ chung không có và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Do anh U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung khi ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh U.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh U yêu cầu ly hôn với chị G, chị G có địa chỉ tại ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh U và chị G có đơn xin vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* anh U và chị G thống nhất anh, chị tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Anh U yêu cầu ly hôn với chị G, về phía chị G cũng đồng ý ly hôn với anh U. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận anh U và chị G là vợ chồng.

[3] *Về con chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Anh U và chị G thống nhất anh, chị có tài sản chung gồm 05 chỉ vàng 24K (01 dây chuyền 03 trọng lượng 03 chỉ và 01 tấm lắc trọng lượng 02 chỉ) và 05 chỉ vàng 18K (01 bộ vòng 06 chiếc, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn), anh có yêu cầu Tòa án chia tài sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh U rU lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn với chị G; Về phía chị G đồng ý và thống nhất không yêu cầu Tòa án chia về tài sản chung. Xét thấy, việc rU lại một phần yêu cầu khởi kiện của anh U là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của anh U.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình anh U phải nộp 300.000 đồng, anh U đã dự nộp số tiền 677.000 đồng tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010385 ngày 17/11/2017, được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án số tiền 300.000 đồng, anh U được nhận lại số tiền 377.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị G không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Minh U và chị Lê Thị Cẩm G có quan hệ vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh U gồm 05 chỉ vàng 24K (01 dây chuyền 03 trọng lượng 03 chỉ và 01 tấm lắc trọng lượng 02 chỉ) và 05 chỉ vàng 18K (01 bộ vòng 06 chiếc, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn).

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh U phải nộp 300.000 đồng, anh U đã dự nộp 677.000 đồng tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010385 ngày 17/11/2017, được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án số tiền 300.000 đồng, anh U được nhận lại số tiền 377.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị G không phải nộp án phí.

Án xử sơ thẩm công vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn